

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-7-2024
V/v “Tranh chấp chia tài sản sau
ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Minh Châu;
- Ông Lê Thành Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Loan là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồng Ngự tham gia phiên tòa: Bà Trương Ngọc Oanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đinh Văn C**, sinh năm 1956.

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1957.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà **Đinh Thị H**, sinh năm 1976;
- Ông **Đinh Hậu G**, sinh năm 1986;
- Bà **Đặng Thị Thúy H1**, sinh năm 1988.

- *Người làm chứng:*

- Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1954.
- Bà **Trương Thị Ngọc Mai E**, sinh năm 1973

Tất cả cùng địa chỉ: **khóm C, phường A, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn ông **Đinh Văn C** trình bày:* Nguyên trước đây vợ chồng ông có 12 công đất và bán với giá là 12 lượng vàng vào năm 2006 khi bán đất 12 công vợ chồng ông đã trả nợ cho bà **Bảy T** (đã chết) một cây vàng, thời điểm lúc đó là 600.000đ/chỉ vàng 24 **Kara I**, vợ chồng mới mua lại một căn nhà và đất với số tiền là 13.000.000đồng quy thành vàng là 02 (hai) cây 24 Kara 9T8. Vào năm 2006 thì vợ chồng ông có bán một căn nhà tre với giá là 0,5 phân vàng 24Kara 9 tuổi 8. Vậy tổng cộng sau khi trả nợ và mua đất thì số vàng còn lại là 9,5 cây vàng 24 Kara 9 tuổi 8. Hiện tại ông không có chứng cứ chứng minh là vợ ông còn giữ 9,5cây vàng 24 kara 9T8 này. Còn căn nhà mua được 13.000.000đồng hiện nay đã bán với giá là 540.000.000đ và vợ chồng ông đã cất lại một căn nhà mới trên nền nhà của cha vợ ông cho vợ ông, chiều ngang 2,5m, chiều dài 15m, con trai út của ông là **Đinh Hậu G** mới mua thêm chiều ngang 3,5m nên tổng cộng chiều ngang của căn nhà là 6m, chiều dài là 15m. Nhưng nhà chỉ cất chiều ngang có 4,5m và chiều dài 15m, tại **khóm C, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp**, do bà **B** đứng tên quyền sử dụng đất. Nên ông yêu cầu chia căn nhà chứ không yêu cầu, tranh chấp đất vì đất là của vợ và con trai ông. Do nay ông không có chứng cứ chứng minh bà **Nguyễn Thị B** và con ông là bà **Đinh Thị H** giữ số vàng 9,5 cây vàng 24 kara 9 tuổi 8 nên ông không yêu cầu gì về số vàng này nữa. Đối với yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà bán được 540.000.000đồng, ông được hưởng 270.000.000đồng, số tiền này bà **B** đã đem đi cất căn nhà mà hiện nay đang tranh chấp (là căn nhà mà bà **B** và các con đang ở) nên nay ông thay đổi yêu cầu là yêu cầu bà **B** chia cho ông giá trị của căn nhà bà **B** đang ở là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

Ông thống nhất việc thỏa thuận giá vào ngày 24/6/2024 (giá trị của căn nhà đang tranh chấp là 200.000.000đồng và giá vàng 7.200.000đồng).

Ngoài tài sản tranh chấp nêu trên vợ chồng ông không còn tài sản chung nào khác.

- *Bị đơn bà **Nguyễn Thị B** trình bày:* Bà và ông **Đinh Văn C** sống chung làm vợ chồng từ năm 1975 đến nay có được ba con đã trưởng thành. Nhưng đến đầu năm 2024 thì đã ly hôn. Trước đây khi chung sống gia đình ông **C** thuộc diện nghèo khó cha mẹ bà có hỗ trợ cho bà được hai công ruộng làm lúa. Cả hai vợ chồng cùng đi làm thuê đủ việc để mưu sinh. Đến năm 1995 bà và chồng mới thống nhất bán hai công đất ruộng của cha mẹ bà cho và góp tiền dành dụm vô vùng sâu mua được 15 công đất trồng lúa. Năm 2003 chồng bà bệnh tai biến gia đình làm lúa bị thất mùa, nhà không còn vốn canh tác, không còn tiền để điều trị bệnh cho chồng. Chồng bệnh nặng nhiều nên nợ nhiều người cho nên bà bàn với chồng là bán 15 công đất đó để điều trị bệnh và trả nợ cho người ta. Đất bán được 12 lượng vàng 24 kara 9 tuổi 8. Khi có tiền thì bà trả nợ đóng lãi lo điều trị bệnh cho chồng, lúc đó các con còn nhỏ chưa làm gì có thu nhập, mọi chi phí trả nợ và than thuốc cứu mạng chồng bà tiêu hết 06 lượng vàng thì ông **C** mới khỏi bệnh. Sau đó số tiền còn lại vợ chồng mua nhà ở hết 02 (hai) lượng vàng. Số vàng còn lại chi tiêu gia đình từ năm 2013 đến nay, thử hỏi ông **C** ăn uống chi tiêu trong gia

đình tất cả đều sử dụng đồng tiền còn lại sinh hoạt trong gia đình, bản thân ông **C** đã bệnh tai biến, người không khỏe mạnh không còn sức để lao động nhà không còn đất ruộng, mọi sinh hoạt lo cho gia đình đều trông cậy vào số tiền vàng ít ỏi còn lại cho đến nay đã không còn nữa, nhà thì xuống cấp không có tiền xây sửa lại nhà. Nên bà bán căn nhà cũ để lấy tiền xây lại nhà mới. Cha ruột bà cho bà nền nhà, con gái là **Đinh Thị H** giữ tiền lo xây nhà mới để cho gia đình có chỗ ở ổn định. Bà còn lao động được nên giữ cháu cho con bà đi làm công ty, nhà xây xong để cho chồng bà ở giữ nhà. Chồng bà có máu đỏ đen, số đề nên yêu cầu ly hôn với bà, yêu cầu chia tài sản để lấy tiền mua số đề. Bà thấu hiểu cũng đồng ý ký giấy ly hôn để chồng bà không còn hành hung bà nữa. Nay ông **C** và bà đều đã lớn tuổi nên trông cậy vào con cháu, căn nhà đang tranh chấp là chỗ ở duy nhất của bà và các con bà. Nay ông **C** có yêu cầu bà chia vàng hay chia giá trị căn nhà cho ông được hưởng 200.000.000đồng thì bà không đồng ý.

Bà thống nhất việc thỏa thuận giá vào ngày 24/6/2024 (giá trị của căn nhà đang tranh chấp là 200.000.000đồng và giá vàng 7.200.000đồng).

Ngoài tài sản tranh chấp nêu trên vợ chồng ông không còn tài sản chung nào khác.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đinh Thị H** vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:* Năm 2022 gia đình cha, mẹ bà thống nhất bán căn nhà đang ở để lấy tiền 540.000.000đ (chi trả cho người môi giới 10.000.000đ) nên còn lại: 530.000.000đ. Cha, mẹ bà xây nhà nơi khác (trên đất của ông ngoại bà cho) xây dựng lại nơi ở mới, nhà cửa khang trang kiên cố hơn. Vào ngày 29/04/2022 căn nhà xây dựng mới tổng cộng tiền xây dựng nhà bà có ghi liệt kê chi phí như sau:

Tiền Cát đá tổng cộng là 114. 297.000đ. Tiền mua sát, tole tổng cộng là 80.431.000đ. Tiền mua vật tư thiết kế trong nhà là 59.920.000đ. Tiền cát đá lần 2 là 56.220.000đ. Tiền mua **S** là 52.542.000đ. Tiền mua **T1** tole lợp nhà 41.490.000đ. Tiền Công Thợ và các chi phí khác là 118.040.000đ. Tổng cộng khi hoàn thành căn nhà là 522.940.000đ (Năm trăm hai mươi hai triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng). Tiền bán căn nhà cũ: 530.000.000đ - 522.940.000đ là 7.060.000đ (Bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng). Bà đã bàn giao cho em trai út tên **Đinh Hậu G** ở trong nhà. Bà không còn giữ tiền gì của cha, mẹ nữa. Riêng việc cha bà yêu cầu bà **Nguyễn Thị B** chia đôi 12 lượng vàng 24 kara là không có cơ sở. Do cha bà lớn tuổi bị bệnh chưa khỏi hẳn nên bà và mẹ bà thấu hiểu tâm lý của cha bà thường hay thay đổi. Bởi vì căn nhà cũ của cha bà nhiều năm hư hỏng xuống cấp không có tiền xây sửa lại nên bán căn nhà để người ta sử dụng nền nhà. Sau khi bán căn nhà cũ thì ông ngoại bà cho mẹ bà nền nhà khác để cha, mẹ bà cất lại nhà mới khang trang hơn. Do cá tính của cha bà có sở thích mua số đề, nên kiếm chuyện gây khó khăn cho mẹ bà, hành hung mẹ bà nhiều lần. Cha bà yêu cầu ly hôn với mẹ bà để được chia tài sản. Mẹ bà không thể chung sống nên cũng đồng ý ly hôn cho cha bà hài lòng mà không còn hành hung mẹ bà nữa. Sau đó thì mẹ bà đi giữ cháu nội giúp con dâu đi làm công ty. Mọi sinh hoạt gia đình sau khi xây xong nhà thì để cho cha bà ở. Mẹ bà đi làm giúp phụ việc giữ cháu nội cho con trai. Bà vẫn thường xuyên cung cấp thức ăn cho cha bà. Hiện nay cha, mẹ bà đều lớn tuổi người nào cũng mang bệnh cần ổn định tinh thần. Cha bà buộc mẹ

bà chia số tiền bán nhà và chia vàng là không có cơ sở giải quyết. Trước đây ngày 25/4/2024 bà có yêu cầu cha bà trả cho bà số tiền 20.000.000đ và lãi là 10.500.000đồng thì nay bà không có yêu cầu gì đối với cha bà về số tiền này nữa.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông **Đinh Hậu G** trình bày:* Hiện căn nhà đang tranh chấp có nguồn gốc là cha mẹ ông đã bán căn nhà cũ với giá là 530.000.000đồng rồi mẹ ông mới xây lại căn nhà mới. Còn phần đất là 2,5m là được ông ngoại cho mẹ ông và ông mua diện tích đất ngang là 3,5m tổng cộng với chiều ngang là 6m. Phần đất ông cho mẹ ông đứng tên luôn phần đất ông đã mua. Tiền xây căn nhà và trang trí và tiền công tổng mọi chi tiêu tổng cộng là 522.940.000đồng là từ nguồn tiền bán căn nhà cũ. Đối với yêu cầu của cha ông yêu cầu chia tài sản với mẹ ông thì ông không có ý kiến. Ông thừa nhận chị **H** có đưa cho tôi số tiền dư còn lại là 7.060.000đồng (Bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng) nhưng ông đã mua cừ đóng làm móng cho nền nhà đang tranh chấp là 20.000.000đồng, ông còn bù vô thêm để đủ 20.000.000đồng. Số tiền ông đã bù vào ông chỉ trình bày vậy thôi chứ không có yêu cầu gì trong vụ kiện này. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đặng Thị Thúy H1** vắng mặt nhưng có văn bản trình bày:* Bà là vợ của ông **Đinh Hậu G** nên bà thống nhất theo lời trình bày của chồng bà, bà không yêu cầu và không trình bày bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành Hồng Ngự phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Xác định tài sản chung giữa ông **C** và bà **B** là căn nhà đang tranh chấp hiện bà **Nguyễn Thị B** đang ở. Căn cứ Điều 38, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Đinh Văn C**. Buộc bà **Nguyễn Thị B** phải có nghĩa vụ chia tài sản chung cho ông **Đinh Văn C** được hưởng phân nửa giá trị căn nhà là 100.000.000đồng. Bà **Nguyễn Thị B** được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng căn nhà đang tranh chấp nói trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, chứng cứ đã xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ kiện “Tranh chấp chia tài sản sau ly hôn” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà **Đinh Thị H**, bà **Đặng Thị Thúy H1**; Người làm chứng ông **Nguyễn Văn L**, bà **Trương Thị Ngọc M** Em đều vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[3] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông **Đinh Văn C** yêu cầu bà **Nguyễn Thị B** chia cho ông giá trị của căn nhà bà **B** đang ở là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ông **C** cho rằng ông không có chứng cứ chứng minh bà **Nguyễn Thị B** và con ông là bà **Đinh Thị H** giữ số vàng 9,5cây vàng 24 kara 9 tuổi 8 nên ông không yêu cầu gì về số vàng này. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.2] Đối với yêu cầu chia đôi giá trị căn nhà bán được 540.000.000đồng, ông được hưởng 270.000.000đồng, số tiền này bà **B** đã đem đi cất căn nhà mà hiện nay đang tranh chấp (là căn nhà mà bà **B** và các con đang ở) nên ông **C** thay đổi yêu cầu là yêu cầu bà **B** chia cho ông giá trị của căn nhà bà **B** đang ở là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng). Do đó, xác định tài sản chung giữa ông **C** và bà **B** là căn nhà tạm diện tích 68,7m² nằm trên phần đất đứng tên hộ bà **Nguyễn Thị B**, diện tích 68,7m² thửa 84, tờ bản đồ 12, tại **khóm C, phường A, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp**.

[3.3] Việc ông **C** yêu cầu bà **B** chia cho ông giá trị của căn nhà bà **B** đang ở là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) là không có căn cứ bởi lẽ: Căn nhà đang tranh chấp được hình thành từ số tiền mà vợ chồng ông **C** bán căn nhà cũ để lấy tiền xây căn nhà này. Theo các lời khai của các con ông **C** là bà **H** và ông **Hậu G** thì số tiền bán được căn nhà cũ sau khi cất lại căn nhà mới cũng còn dư một ít, nhưng do ông **C** bị bệnh tai biến, do cá tính của ông **C** có sở thích mua số đề nên kiếm chuyện gây khó khăn cho bà **B**, ông **C** hành hung bà bất nhiều lần, mọi sinh hoạt gia đình sau khi xây xong nhà thì để cho ông **C** và bà **B** ở. Người làm chứng ông **Nguyễn Văn L** và bà **Trương Thị Ngọc M** Em xác định: Vợ chồng ông **C** và bà **B** lúc trước nợ rất nhiều người, ông **C** là người hay chơi số đề nên không lo làm ăn, thời điểm ông **C** bị bệnh tai biến vợ chồng ông **C** đã bán căn nhà cũ để trả nợ, lo chi phí bệnh cho ông **C**, mới cất lại căn nhà đang ở hiện nay. Nhưng xét về nguồn gốc căn nhà đang tranh chấp là được hình thành từ số tiền mà vợ chồng ông **C**, bà **B** bán căn nhà cũ để lấy tiền xây căn nhà này và thời điểm hình thành phần tài sản chung này thì ông **C** vẫn còn chung sống với bà **B**, quá trình hôn nhân vẫn đang tồn tại. Do đó, nguyên tắc là phải chia đôi.

[3.4] Hiện nay trong căn nhà đang tranh chấp có các thành viên trong hộ gồm: ông **C**, bà **B** và vợ chồng con cái anh **Hậu G** đang ở. Ngoài căn nhà này ra thì các thành viên trong gia đình không có chỗ ở nào khác. Tại phiên tòa, bà **B** thống nhất nhận căn nhà và giao trả cho ông **C** phân nửa giá trị căn nhà là 100.000.000đồng. Ông **Hậu G** cũng thống nhất với ý kiến của bà **B** và cho rằng sẽ đi làm thuê hàng tháng để lấy tiền giao dần cho ông **C** chứ hiện nay gia đình đang gặp khó khăn về kinh tế, còn bà **B** thì lớn tuổi nên chỉ ở nhà trông cháu chứ không có làm gì được để tạo nên thu nhập mà giao trả tiền cho ông **C**.

[3.5] Vào ngày 24/6/2024, các đương sự thống nhất thỏa thuận giá đối với căn nhà đang tranh chấp là 200.000.000đồng.

[3.6] Hội đồng xét xử xét thấy chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Đinh Văn C**. Buộc bà **Nguyễn Thị B** có nghĩa vụ giao trả lại cho

ông C phân nửa giá trị căn nhà là 100.000.000đồng. Bà Nguyễn Thị B được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng đối với căn nhà tạm diện tích 68,7m² nằm trên phần đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị B diện tích 220,4m², thửa 84, tờ bản đồ 12, tại khóm C, phường A, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp là phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm:

- Ông C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm phần ông C được hưởng là 5.000.000đồng, nhưng ông C là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự nêu trên.

- Bà B phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm phần bà B được hưởng là 5.000.000đồng, nhưng bà B là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự nêu trên.

[5] Về chi phí tố tụng: Ông C và bà B mỗi người phải chịu phân nửa tổng chi phí tố tụng là 2.924.000đ (làm tròn) chia đôi bằng 1.462.000đồng. Bà B có nghĩa vụ giao trả lại cho ông C số tiền chi phí tố tụng là 1.462.000đồng vì ông C đã tạm ứng trước và đã chi xong. Phần còn dư ra 1.076.000đồng ông C được nhận lại và đã nhận lại xong.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 38, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đinh Văn C.

Buộc bà Nguyễn Thị B phải có nghĩa vụ chia tài sản chung cho ông Đinh Văn C được hưởng số tiền 100.000.000đồng.

Bà Nguyễn Thị B được quyền tiếp tục quản lý, sử dụng đối với căn nhà tạm diện tích 68,7m² nằm trên phần đất đứng tên hộ bà Nguyễn Thị B diện tích 220,4m², thửa 84, tờ bản đồ 12, tại khóm C, phường A, thành phố N, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự được quyền đến Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở theo quy định pháp luật.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Không ai phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3/ Về chi phí tố tụng: Ông **Đinh Văn C** và bà **Nguyễn Thị B** mỗi người phải chịu chi phí tố tụng là 1.462.000đồng. Bà **B** có nghĩa vụ giao trả lại cho ông **C** số tiền chi phí tố tụng là 1.462.000đồng vì ông **C** đã tạm ứng trước và đã chi xong. Phần còn dư ra 1.076.000đồng ông **C** được nhận lại và đã nhận lại xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (Sửa đổi bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐT;

PHIÊN TÒA

- VKSND TP. Hồng Ngự;

- Các đương sự;

- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA**

Nguyễn Phương Thảo